TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2022/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 2 năm 2022, giữa:

* Nguyên đơn: chị Đặng Thị Tr , sinh năm: 1984.

* Bị đơn: anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1981.

Đều thường trú tại: thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Tr và anh Nguyễn

Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: chị Đặng Thị Tr và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh N nên giấy chứng nhận kết hôn số 20 quyển số 01, ngày 15 tháng 7 năm 2002 do Ủy ban nhân dân xã H, thị xã M (nay là thành phố M), tỉnh Quảng Ninh cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung**: chị Đặng Thị Tr và anh Nguyễn Văn N có 02 (hai) con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/12/2002 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/02/2007. Con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/12/2002 đã thành niên. Anh Nguyễn Văn N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/02/2007 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: chị Đặng Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền , nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; Trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

- **Về tài sản chung**: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

- **Về khoản nợ chung**: Không có.

- **Về phí dân sự sơ thẩm**: chị Đặng Thị Tr tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 5.684.000đ (*năm triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008665 ngày 22/02/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Chị Đặng Thị Tr được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.534.000đ (năm triệu năm trăm ba mươi tư nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M;
- UBND xã H, t.p M;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương